

Số: /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên
giai đoạn 2026-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; và Luật số 131/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 433-KH/TU ngày 11/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 179/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 821/NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030 tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Chương trình phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 71/TTr-SKHHCN ngày 03/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 23/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Hòa

CHƯƠNG TRÌNH**Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030 được xây dựng nhằm cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chương trình hướng tới xây dựng và phát triển hệ sinh thái tài sản trí tuệ của tỉnh đồng bộ, hiện đại; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phục vụ hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung nâng cao năng lực xác lập, quản trị, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; thúc đẩy hoạt động khai thác giá trị và tài chính hóa tài sản trí tuệ, từng bước đưa tài sản trí tuệ trở thành nguồn lực quan trọng trong nền kinh tế tri thức, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, giá trị sản phẩm, hàng hóa của địa phương; đóng góp vào mục tiêu xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, sản xuất công nghệ cao và phát triển văn hóa sáng tạo trong vùng Đồng bằng sông Hồng.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sở hữu trí tuệ là một trong những trụ cột quan trọng của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các nhiệm vụ của Chương trình phải được triển khai đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên.

- Xây dựng hệ sinh thái sở hữu trí tuệ đồng bộ, hiện đại; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý và khai thác tài sản trí tuệ; từng bước hoàn thiện cơ chế, hạ tầng và các công cụ số phục vụ việc quản lý, chuẩn hóa, số hóa, kết nối, liên thông và khai thác dữ liệu về sở hữu trí tuệ; bảo đảm an toàn thông tin, phân quyền truy cập, lưu vết dữ liệu và khả năng tích hợp với các hệ thống thông tin của tỉnh và Trung ương theo quy định.

- Bảo đảm vai trò kiến tạo, dẫn dắt và hỗ trợ của Nhà nước; lấy doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân và cộng đồng sáng tạo làm trung tâm trong hoạt động xác lập, quản trị, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

- Ưu tiên phát triển tài sản trí tuệ gắn với các sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm chủ lực, ngành công nghiệp có lợi thế, lĩnh vực văn hóa sáng tạo và giống cây trồng đặc hữu, nhằm nâng cao giá trị gia tăng và mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Việc tổ chức thực hiện Chương trình phải bảo đảm sự phân công rõ ràng, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì chung; các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công Thương; Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì các nội dung, hạng mục liên quan; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng và phát triển hệ sinh thái tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại; gắn kết chặt chẽ với hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số, phát triển các sản phẩm đặc sản địa phương và các ngành công nghiệp chủ lực.

- Nâng cao năng lực xác lập, quản trị, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho tổ chức, cá nhân; từng bước hình thành và phát triển văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Phát huy vai trò của sở hữu trí tuệ như một công cụ quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với các mục tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

- Về số hóa và dữ liệu: Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu số về tài sản trí tuệ của tỉnh Hưng Yên theo hướng tích hợp, đồng bộ, bảo đảm kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu trí tuệ và các hệ thống thông tin khoa học và công nghệ; thực hiện số hóa, chuẩn hóa dữ liệu, phấn đấu bao phủ 100% tài sản trí tuệ thuộc khu vực công và tối thiểu 80% doanh nghiệp, hợp tác xã trọng điểm có hồ sơ số; vận hành hệ thống báo cáo định kỳ về sở hữu trí tuệ phục vụ công tác theo dõi, đánh giá và hoạch định chính sách; triển khai thí điểm và từng bước mở rộng ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc đối với tối thiểu 30 sản phẩm, hàng hóa gắn với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể của tỉnh.

- Về xây dựng thương hiệu tỉnh Hưng Yên: Tổ chức khảo sát, nghiên cứu, xác định giá trị cốt lõi và hệ thống nhận diện thương hiệu tỉnh Hưng Yên; thực hiện việc xây dựng, đăng ký bảo hộ và khai thác thương hiệu tỉnh nhằm định hướng phát triển và nâng cao giá trị các lĩnh vực kinh tế - xã hội có lợi thế.

- Về xác lập quyền sở hữu trí tuệ trong nước: Phấn đấu xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho khoảng 600 nhãn hiệu, 30 kiểu dáng công nghiệp; 15 đơn đăng ký sáng chế và/hoặc giải pháp hữu ích, 30 nhãn hiệu tập thể và/hoặc nhãn hiệu chứng nhận, 02 chỉ dẫn địa lý; 200 tác phẩm được đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan; 03 giống cây trồng mới được bảo hộ theo quy định.

- Quản lý và khai thác: Thực hiện định giá tối thiểu 05 tài sản trí tuệ; thúc đẩy ký kết tối thiểu 05 hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng (li-xăng) hoặc khai thác quyền; xây dựng và vận hành tối thiểu 03 mô hình quản lý, khai thác thương hiệu đối với sản phẩm đặc sản; bảo đảm 100% nhãn hiệu tập thể/nhãn

hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý có quy chế sử dụng và cơ chế kiểm soát được vận hành; xây dựng tối thiểu 5 nền tảng/công cụ quảng bá sản phẩm đặc sản địa phương (cổng thông tin, ứng dụng di động, bản đồ số, sàn thương mại điện tử, hệ thống QR truy xuất, ...).

- Thực thi và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ: Giải quyết kịp thời các vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được tiếp nhận, phản ánh; tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo quy định; hình thành cơ chế phối hợp với các đơn vị vận hành sàn thương mại điện tử, nền tảng số để xử lý nhanh chóng các đường dẫn (link) quảng bá thông tin, chào bán hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên không gian mạng (Sàn TMĐT, các nền tảng số); tổ chức được 10 lớp/đợt đào tạo/tập huấn/bồi dưỡng về hướng dẫn phối hợp triển khai hoạt động thực thi, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Hội nhập quốc tế: Phấn đấu 01 hồ sơ chỉ dẫn địa lý tại Châu Âu thông qua EVFTA; đăng ký bảo hộ tối thiểu 02 thương hiệu đặc sản địa phương tại ít nhất 05 thị trường trọng điểm hoặc tiềm năng (cho mỗi thương hiệu); 02-03 đơn sáng chế quốc tế theo Hiệp ước hợp tác sáng chế PCT; tối thiểu 05 đơn đăng ký nhãn hiệu quốc tế theo Hệ thống Madrid; tối thiểu 02 đơn đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp theo Hệ thống Hague (La Hay);

- Đào tạo, truyền thông và nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ: Tối thiểu 5.000 lượt người được thụ hưởng; 10 chiến dịch truyền thông; 10 học liệu số; thí điểm tại tối thiểu 10 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông; bồi dưỡng 100 giáo viên nòng cốt. Đồng thời, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên đề về quản lý, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao nhận thức và năng lực khai thác tài sản trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu số tích hợp thông tin tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu số tích hợp, bao gồm dữ liệu về sở hữu công nghiệp, quyền tác giả và quyền liên quan, giống cây trồng; bảo đảm quản lý thống nhất đối với tài sản thuộc sở hữu tư nhân, tập thể và nhà nước.

b) Kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin có liên quan.

c) Xây dựng Cổng thông tin sở hữu trí tuệ tỉnh Hưng Yên phục vụ công tác quản lý, tra cứu, giám sát và hỗ trợ khai thác, phát triển giá trị tài sản trí tuệ.

2. Tạo lập thương hiệu tỉnh Hưng Yên

Hình thành và bảo hộ “Thương hiệu tỉnh Hưng Yên” như một biểu tượng nhận diện thống nhất, làm nòng cốt để:

a) Định hướng phát triển các ngành hàng, sản phẩm đặc sản, công nghiệp chủ lực, dịch vụ văn hóa - du lịch.

b) Bảo chứng chất lượng, uy tín của tỉnh trong thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế.

c) Tăng tính cạnh tranh và giá trị thương mại của sản phẩm/dịch vụ mang nguồn gốc Hưng Yên.

3. Xây dựng thương hiệu cho đặc sản địa phương

a) Khảo sát, đánh giá và xây dựng phương án quản lý đối với các chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên phù hợp với quy định hiện hành và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp sau sắp xếp đơn vị hành chính.

b) Khảo sát, đánh giá sản phẩm đặc sản, đặc thù, sản phẩm làng nghề, sản phẩm gắn với địa danh, sản phẩm gắn với Chương trình OCOP của địa phương và rà soát dữ liệu xác lập quyền đối với các sản phẩm đặc sản, đặc thù, sản phẩm làng nghề, sản phẩm gắn với địa danh, sản phẩm gắn với Chương trình OCOP qua đó đánh giá các sản phẩm tiềm năng để tập trung khai thác, phát triển hoặc tạo lập, khai thác và phát triển.

c) Nghiên cứu và xây dựng các mô hình quản lý, khai thác chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận phù hợp, hiệu quả; đề xuất và hỗ trợ xây dựng mô hình điềm về quản lý, khai thác nhãn hiệu chứng nhận/nhãn hiệu tập thể tại cấp xã để tổng kết, nhân rộng kinh nghiệm. Đồng thời, xây dựng và hoàn thiện các công cụ quản lý, truy xuất nguồn gốc, hệ thống nhận diện và công cụ quảng bá sản phẩm.

d) Đăng ký bảo hộ mới trong nước, xây dựng hệ thống công cụ quản lý, hệ thống nhận diện và công cụ quảng bá cho chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.

đ) Bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Liên minh Châu Âu theo cơ chế bảo hộ công nhận lẫn nhau. Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể/nhãn hiệu chứng nhận tại các thị trường quốc tế.

e) Xúc tiến - truyền thông đồng bộ: Truyền thông quảng bá nâng cao nhận biết của thị trường đối với các thương hiệu đặc sản, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP của địa phương một cách tổng thể, đồng bộ, có điềm nhấn (không theo lối mòn xúc tiến thương mại cho từng sản phẩm cụ thể của từng doanh nghiệp).

4. Nâng cao năng lực xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc nhận diện, đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; phát triển các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc sản địa phương; hỗ trợ bảo hộ quốc tế thông qua hệ thống Madrid (nhãn hiệu), Hague (KDCN) và PCT (sáng chế).

5. Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước nhằm tạo ra sáng chế, giải pháp hữu ích

a) Hỗ trợ các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, trường đại học hợp tác với doanh nghiệp tạo ra kết quả nghiên cứu được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tăng cường sử dụng các công cụ sở hữu trí tuệ để phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điềm, các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế cạnh tranh.

b) Điều tra, đánh giá nhu cầu công nghệ và xây dựng bản đồ sáng chế của địa phương: tổ chức khảo sát các doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo nhằm xây dựng “bản đồ công nghệ - sáng chế” của tỉnh Hưng Yên.

c) Tổ chức các hoạt động kết nối, hội thảo, xúc tiến chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu.

d) Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng về sở hữu trí tuệ cho giảng viên, nhà nghiên cứu và sinh viên.

6. Tăng cường khai thác, định giá và tài chính hóa tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ tư vấn, thực hiện định giá tài sản trí tuệ cho mục tiêu mua bán, chuyển nhượng, góp vốn.

b) Hỗ trợ tư vấn, hợp đồng, triển khai hoạt động li-xăng/nhượng quyền.

c) Thí điểm tín dụng, bảo lãnh, dựa trên tài sản trí tuệ.

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ

a) Bố trí cán bộ quản lý chuyên trách hoặc không chuyên trách lĩnh vực sở hữu trí tuệ tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường; đẩy mạnh cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. Xây dựng các quy chế phối hợp liên ngành trong việc khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ được bảo hộ.

b) Sử dụng các chỉ số đo lường về sở hữu trí tuệ như một công cụ quản lý, đặc biệt là các chỉ số cấu thành về sở hữu trí tuệ của chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII).

c) Đơn giản hóa, hiện đại hóa, công khai, minh bạch trình tự và thủ tục hành chính về sở hữu trí tuệ. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung các thủ tục hành chính trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.

d) Hỗ trợ, khai thác hiệu quả dịch vụ công trực tuyến; tăng cường đầu tư, phát triển hạ tầng, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong hoạt động xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

đ) Triển khai và khai thác có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ quốc gia; hướng dẫn, hỗ trợ tra cứu, phân tích và khai thác thông tin, mở cho công chúng tiếp cận và sử dụng miễn phí.

8. Nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ

a) Thiết lập cổng tiếp nhận trực tuyến, đường dây nóng về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trong đó tích hợp các chức năng tiếp nhận, giải quyết, tra cứu tố giác hành vi xâm phạm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để tự động phát hiện, cảnh báo, truy vết hành vi xâm phạm trên các nền tảng thương mại điện tử, nhất là các không gian mạng có đăng ký, sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.

b) Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và với các cơ quan tư pháp trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; phối hợp nghiên cứu về việc tăng cường vai trò của tòa án trong giải quyết các vụ việc về sở hữu trí tuệ.

c) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường kỹ thuật số.

d) Tích cực và chủ động phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về sở hữu trí tuệ; nâng cao hiệu quả công tác điều tra các vụ án hình sự về sở hữu trí tuệ; khuyến khích giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ bằng hình thức trọng tài, hòa giải.

đ) Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chủ động tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình.

e) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ sở hữu trí tuệ cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; phát triển nhân lực chuyên sâu về sở hữu trí tuệ trong các cơ quan thực thi, đặc biệt là hệ thống tòa án, hải quan, quản lý thị trường.

9. Đào tạo, truyền thông, nâng cao nhận thức xã hội về sở hữu trí tuệ

a) Tổ chức các chiến dịch truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là trên không gian mạng; hình thành văn hóa, đạo đức sở hữu trí tuệ, tập quán tiêu dùng hàng hóa chính hiệu trong xã hội.

b) Tập trung xây dựng và triển khai nội dung đào tạo, tập huấn kiến thức cơ bản về sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh.

c) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về sở hữu trí tuệ phù hợp với từng nhóm đối tượng; trong đó chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp, tổ chức trong chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ở địa phương.

d) Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và tổ chức chương trình tập huấn, đào tạo về sở hữu trí tuệ từ cơ bản đến chuyên sâu về SHTT phù hợp với từng nhóm đối tượng bằng nhiều hình thức, trong đó có chương trình đào tạo chuyên sâu về SHTT tại một số cơ sở giáo dục đào tạo từ đó nâng cao năng lực chuyên môn về SHTT trên địa bàn tỉnh, phát triển đội ngũ nhân lực tham gia vào các hoạt động SHTT.

10. Bảo hộ và khai thác giống cây trồng mới

Rà soát danh mục giống cây trồng chủ lực; hỗ trợ khảo nghiệm DUS và đăng ký quyền bảo hộ giống mới; thúc đẩy chuyển giao, li-xăng quyền đối với giống.

11. Phát triển quyền tác giả và quyền liên quan

Hỗ trợ nghệ nhân, nhà sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ số, đơn vị văn hóa nghệ thuật trong việc đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan; khuyến khích khai thác, cấp phép, nhượng quyền tác phẩm.

(Chi tiết Danh mục các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo Chương trình này)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn sau:

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Nguồn đóng góp, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình phải bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan. Đồng thời, đẩy mạnh việc lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí từ các chương trình, đề án, kế hoạch khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn tỉnh để thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

(Dự kiến kinh phí thực hiện tại Phụ lục II kèm theo Chương trình này)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; tham mưu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, đề tài, dự án thuộc lĩnh vực sở hữu công nghiệp theo quy định.

- Hằng năm, chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Chương trình; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Tổ chức tổng kết Chương trình; chủ trì, phối hợp tổ chức các hoạt động tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính

Hằng năm, trên cơ sở đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và phân cấp ngân sách hiện hành, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình trong kinh phí sự nghiệp Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, đề án liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan và phát triển công nghiệp văn hóa theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, đề án về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực giống cây trồng mới, nông nghiệp và các nội dung liên quan theo quy định.

5. Công an tỉnh, Sở Công thương (Ban Chỉ đạo 389), Thanh tra tỉnh

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ theo quy định.

6. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động tổ chức triển khai và phối hợp thực hiện các nội dung của Chương trình, bảo đảm đúng quy định pháp luật.

7. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Tổ chức rà soát, thống kê hằng năm các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP (mỗi xã một sản phẩm) và các sản phẩm chủ lực trên địa bàn có tiềm năng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh tham gia các hoạt động hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ;

- Phối hợp với các cơ quan chức năng trong quản lý, giám sát, phát hiện và xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn theo quy định.

Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Chương trình, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.